

## PHÉP CHIA PHÂN SỐ - LUYỆN TẬP

### I. Mục tiêu:

Học sinh thực hiện thành thạo phép chia phân số và vận dụng được vào các bài tập phối hợp các phép tính đối với phân số.

### II. Bài giảng:

Bài giảng	Bài ghi
<p>- Cụ thể: <math>\frac{a}{b}</math> số nghịch đảo là <math>\frac{b}{a}</math></p> <p>- Hs xem quy tắc trong SGK trang 42</p> <p>- Hs lưu ý rút gọn kết quả (nếu có) khi thực hiện phép chia.</p> <p>- Hs làm các bài tập ở SGK 84, 86, 89, 90, 93 trang 43, 44</p>	<p><b>1. Phân số nghịch đảo:</b> Hai số gọi là nghịch đảo của nhau nếu tích của chúng bằng 1.</p> <p><u>VD:</u> <math>\frac{-3}{41}</math> số nghịch đảo là <math>\frac{41}{-3}</math></p> <p><math>\frac{1}{7}</math> số nghịch đảo là <math>\frac{7}{1} = 7</math></p> <p><b>2. Phép chia phân số:</b> <u>Quy tắc:</u></p> $\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c} = \frac{a.d}{b.c}$ $a : \frac{b}{c} = a \cdot \frac{c}{b} = \frac{a.c}{b}$ <p><u>VD:</u> (là ?5 SGK trang 42)</p> <p>a/ <math>\frac{2}{3} : \frac{1}{2} = \frac{2}{3} \cdot \frac{2}{1} = \frac{4}{3}</math></p> <p>b/ <math>\frac{-4}{5} : \frac{3}{4} = \frac{-4}{5} \cdot \frac{4}{3} = \frac{-16}{15}</math></p> <p>c/ <math>-2 : \frac{4}{7} = -2 \cdot \frac{7}{4} = \frac{-14}{4} = \frac{-7}{2}</math></p> <p><u>Áp dụng:</u> Tìm x biết</p> $\frac{4}{7} \cdot x - \frac{2}{3} = \frac{1}{5}$ $\frac{4}{7} \cdot x = \frac{1}{5} + \frac{2}{3}$ $\frac{4}{7} \cdot x = \frac{13}{15}$ $x = \frac{13}{15} : \frac{4}{7}$ $x = \frac{13}{15} \cdot \frac{7}{4} = \frac{91}{60}$

- Hs đọc đề bài 88 trong SGK trang 43 và xem cách giải bên.

- Hs đọc đề bài 91 trong SGK trang 44 và xem cách giải bên .

***Bài toán thực tế :***

BT 88 (SGK trang 43)

Chiều rộng của tấm bìa là :

$$\frac{2}{7} : \frac{2}{3} = \frac{2}{7} \cdot \frac{3}{2} = \frac{3}{7} \text{ (m)}$$

Chu vi của tấm bìa là :

$$\left( \frac{2}{3} + \frac{3}{7} \right) \cdot 2 = \frac{46}{21} \text{ (m)}$$

***BT 91 (SGK trang 44)***

Số chai đóng nước là :

$$225 : \frac{3}{4} = 225 \cdot \frac{4}{3} = 300 \text{ (chai)}$$

# HỖN SỐ - SỐ THẬP PHÂN – SỐ PHẦN TRĂM – LUYỆN TẬP

## I. Mục tiêu:

- Học sinh nắm được cách chuyển đổi các dạng số: hỗn số, số thập phân, số phần trăm sang dạng phân số để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia theo phân số.
- Vận dụng thành thạo vào bài tập.

## II. Bài giảng:

Bài giảng	Bài ghi
<p>- Cách đổi phân số sang hỗn số <math>7 : 4 = 1</math> dư 3 nên <math>\frac{7}{4} = 1\frac{3}{4}</math> với 1 là phần nguyên, <math>\frac{3}{4}</math> là phần phân số.</p> <p>- Ngược lại <math>2\frac{3}{4} = \frac{4.2+3}{4} = \frac{11}{4}</math></p> <p>- Hs tự làm bài ?1, ?2 rồi xem lại kết quả bên.</p> <p>- Hs xem các VD3, VD4 cách viết phân số thành dạng thập phân và ngược lại.</p> <p>- Chú ý: số chữ số của phần thập phân đúng bằng số chữ số 0 ở mẫu của phân số thập phân.</p> <p>- Những phân số có mẫu là 100 còn có thể được viết dưới dạng số phần trăm.</p>	<p><b>1. Hỗn số:</b> VD1: <math>\frac{7}{4} = 1\frac{3}{4}</math> gọi là hỗn số</p> <p>?1 <math>\frac{17}{4} = 4\frac{1}{4}</math> ; <math>\frac{-21}{5} = -4\frac{1}{5}</math></p> <p>VD2: <math>2\frac{3}{4} = \frac{11}{4}</math></p> <p>?2 <math>2\frac{4}{7} = \frac{18}{7}</math> ; <math>4\frac{3}{5} = \frac{23}{5}</math></p> <p><b>2. Số thập phân:</b> VD3: <math>\frac{3}{10} = 0,3</math> ; <math>\frac{-152}{100} = -1,52</math> gọi là số thập phân Số thập phân có phần nguyên viết bên trái dấu phẩy và phần thập phân viết bên phải dấu phẩy.</p> <p>VD4: <math>1,21 = \frac{121}{100}</math> ; <math>0,07 = \frac{7}{100}</math></p> <p><b>3. Số phần trăm:</b> VD5: <math>\frac{3}{100} = 3\%</math> ; <math>\frac{57}{100} = 57\%</math> gọi là số phần trăm.</p> <p>VD6: <math>6,3 = \frac{63}{10} = \frac{630}{100} = 630\%</math></p>

- Chú ý khi làm phép toán có các dạng số trên ta nên viết chúng dưới dạng phân số rồi thực hiện phép tính như thường.

VD7:

$$\text{a/ } 5\frac{1}{2} \cdot 3\frac{3}{4} = \frac{11}{2} \cdot \frac{15}{4} = \frac{165}{8} = 20\frac{5}{8}$$

$$\text{b/ } 1\frac{3}{4} + 2\frac{5}{9} = \frac{7}{4} + \frac{23}{9} \quad \text{MC: 36}$$

$$= \frac{63}{36} + \frac{92}{36} = \frac{155}{36} = 4\frac{11}{36}$$

# TÌM GIÁ TRỊ PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ CHO TRƯỚC

## I. Mục tiêu:

- Học sinh nắm được cách tìm giá trị phân số của một số cho trước vận dụng vào các bài toán thực tế.
- Học sinh phân tích được yêu cầu của bài toán thực tế và giải được bài toán đó.

## II. Bài giảng:

Bài giảng	Bài ghi
<p>- Học sinh nắm được yêu cầu của đề bài và xem bài giải để làm ?1</p> <p>- Học sinh xem quy tắc và vận dụng vào bài toán thực tế cụ thể hơn.</p> <p>- Xem bài mẫu: 118, 121, 122, 123, 125 SGK trang 52, 53</p> <p>- Học sinh đọc kỹ các đề và xem cách giải bên</p>	<p><b>1. Ví dụ: (SGK trang 50)</b> ?1 Số học sinh thích bóng bàn là: <math>45 \cdot \frac{2}{9} = 10</math> (hs) Số học sinh thích bóng chuyền là: <math>45 \cdot \frac{4}{15} = 12</math> (hs)</p> <p><b>2. Quy tắc:</b> Muốn tìm <math>\frac{m}{n}</math> của số b cho trước, ta tính <math>b \cdot \frac{m}{n}</math> (<math>m, n \in \mathbb{N}, n \neq 0</math>)</p> <p><u>Giải bài 122:</u> ( SGK trang 53) Khối lượng hành là: <math>2.5\% = 2 \cdot \frac{5}{100} = 0,1</math> (kg) Khối lượng đường là: <math>2 \cdot \frac{1}{1000} = 0,002</math> (kg) Khối lượng muối là: <math>2 \cdot \frac{3}{40} = 0,15</math> (kg)</p> <p><u>Giải bài 123:</u> Bảng A <math>35000 \cdot (100\% - 10\%) = 31500</math> đ Vậy bảng A giảm sai ( các bảng còn lại làm tương tự)</p>